

Bản án số: 31/2024/HNGĐ - ST.  
Ngày: 17/4/2024.  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Lương.  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quàng Văn Minh;
2. Ông Lò Văn Sung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 17/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST – HNGĐ ngày 14/11/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX - ST ngày 04/3/2024; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST - HPT, ngày 27/3/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lò Thị H, sinh năm 1987 “vắng mặt”;

Nơi ĐKKHKT: Bản N L, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản C P, xã L G, huyện Đ B Đông, tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:** Anh Tòng Văn P, sinh năm 1989 “có mặt”;

Trú tại: Bản N L, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đệ ngày 27/10/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị H (nguyên đơn) trình bày:*

**1. Về hôn nhân:** Tôi và anh Pọm lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 19/8/2013. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, gia đình không hạnh phúc, anh Pọm ngày nào cũng say rượu và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Pọm.

**2. Về con chung:** Chị Hiền khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng Thị Hoài Thu, sinh ngày 26/01/2014 và cháu Tòng Hải Đăng, sinh ngày 28/5/2016.

Chị Hiền có nguyện vọng được nuôi cháu Thu và **không** yêu cầu anh Pọm phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Thu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại bản tự khai của cháu Đăng có nguyện vọng được ở cùng với bố.

**3. Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 16/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Tòng Văn P trình bày:*

*Về hôn nhân:* Tôi và cô Hiền lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ ngày 19/8/2013 tại UBND xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, sau đó đến năm 2019 cô Hiền đi làm thuê và từ đó không về nhà nữa. Nay cô Hiền đã xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn với cô Hiền.

*Về con chung:* Anh Pọm công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng Thị Hoài Thu, sinh ngày 26/01/2014 và cháu Tòng Hải Đăng, sinh ngày 28/5/2016. Anh Pọm có nguyện vọng được nuôi cháu Đăng, đồng ý cho cô Hiền nuôi cháu Thu. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản:-* Tài sản riêng, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tại phiên tòa anh Pọm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã N L đã xác định sau khi đăng ký kết hôn,** vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, gia đình không hạnh phúc, anh Pọm ngày nào cũng say rượu về đánh đập vợ con và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng Thị Hoài Thu, sinh ngày 26/01/2014 và cháu Tòng Hải Đăng, sinh ngày 28/5/2016 hai cháu **ở cùng với mẹ từ khi hai vợ chồng sống ly thân.**

**Hai vợ chồng đều làm ruộng và có khả năng nuôi con.**

- Án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về quan hệ pháp luật:**

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Quàng Thị Thiên, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Chị Hiền xin ly hôn với anh Pọm, anh Pọm có hộ khẩu thường trú tại xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** Chị Hiền và anh Pọm kết hôn năm 2013, đến năm 2023 thì chị Hiền khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hiền và anh Pọm lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh Pọm hay uống rượu say và đánh đập vợ con, hai người không còn quan tâm đến nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả và hai người đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hiền và anh Pọm đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hiền xác định tình cảm của mình đối với anh Pọm không còn. Quá trình giải quyết chị Hiền vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Pọm. Anh Pọm cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nên được chấp nhận và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Tông Văn P.

**[5]. Về con chung:** Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Tông Thị Hoài Thu, sinh ngày 26/01/2014 và cháu Tông Hải Đăng, sinh ngày 28/5/2016.

Chị Hiền có nguyện vọng được nuôi cháu Thu và **không** yêu cầu anh Pọm phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Thu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại bản tự khai của cháu Đăng có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Anh Pọm có nguyện vọng được nuôi cháu Tông Hải Đăng, sinh ngày 28/5/2016 vì hiện nay cháu Đăng đang ở cùng với anh Pọm và cháu đang đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy chị Hiền và anh Pọm đều có khả năng nuôi con chung, hơn thế nữa việc nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của anh Pọm và giao con chung là cháu Đăng cho anh Pọm trực tiếp chăm sóc, giáo dục và giao cháu Thu cho chị Hiền trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Hiền và anh Pọm không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6]. Về tài sản:**

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

**[7]. Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hiền phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Hiền đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0000149 ngày 14/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

**[8]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa:**

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

**1- Tuyên xử:** Cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Tòng Văn P.

**2 - Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu của chị Hiền và giao con chung là cháu Tòng Thị Hoài Thu, sinh ngày 26/01/2014 cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Chấp nhận yêu cầu của anh Pọm và giao cháu Tòng Hải Đăng, sinh ngày 28/5/2016 cho anh Pọm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hiền và anh Pọm về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3- Về Tài sản:** Không xem xét.

**4- Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hiền phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Hiền đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0000149 ngày 14/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Hiền đã nộp đủ án phí DSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N L;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lường Văn Lương**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Quàng Văn Minh

Lường Văn Lương

Lò Văn Sung